

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MỞ TRONG KỶ NGUYÊN SỐ TRÊN CƠ SỞ TIẾP CẬN CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN TRỊ

Trần Thị Mai Hanh¹

Email: hanhhtm@hou.edu.vn. ORCID: 0009 - 0000 - 7114 - 6582

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/07/2026

Ngày hoàn thành đánh giá: 05/10/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/10/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1487

Tóm tắt: Sự phát triển của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các nền tảng học tập trực tuyến đang thúc đẩy giáo dục mở theo hướng linh hoạt, liên thông và lấy người học làm trung tâm. Tuy nhiên, mở rộng cơ hội tiếp cận không đồng nghĩa với bảo đảm chất lượng. Bài viết phân tích các yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục mở trong kỷ nguyên số từ góc độ chính sách và quản trị, đồng thời đề xuất một khung bảo đảm chất lượng có khả năng vận dụng tại các cơ sở giáo dục đại học. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu và phân tích chính sách; trên cơ sở đó xác định các đặc trưng của giáo dục mở, yêu cầu bảo đảm chất lượng và mối quan hệ giữa các thành tố trong hệ thống. Kết quả cho thấy bảo đảm chất lượng cần chuyển từ tư duy kiểm soát sang quản trị dựa trên chuẩn mực, dữ liệu, trách nhiệm giải trình và cải tiến liên tục. Khung đề xuất gồm năm thành tố: (1) chính sách và chuẩn chất lượng; (2) quản trị và trách nhiệm giải trình; (3) chương trình và học liệu mở; (4) công nghệ và dữ liệu; (5) trải nghiệm và kết quả học tập của người học. Khung này có ý nghĩa định hướng cho việc xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong phù hợp với đặc trưng của giáo dục mở.

Từ khóa: bảo đảm chất lượng, chuyển đổi số, giáo dục mở, quản trị giáo dục, chính sách giáo dục

I. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và các nền tảng học tập trực tuyến đang làm thay đổi phương thức tổ chức và cung cấp giáo dục, tạo điều kiện phát triển giáo dục mở theo hướng linh hoạt, liên thông và lấy người học làm trung tâm. Giáo dục mở góp phần mở rộng

cơ hội tiếp cận tri thức, thúc đẩy học tập suốt đời thông qua sự đa dạng về chương trình, học liệu, phương thức, thời gian và không gian học tập. Trong đó, tài nguyên giáo dục mở (OER) tạo điều kiện chia sẻ, sử dụng, điều chỉnh và tái sử dụng học liệu. Phát triển OER đòi hỏi sự phối hợp giữa chính sách, nguồn lực, năng lực đội

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

ngữ và các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Nguyen và cộng sự (2025). Việc ứng dụng AI hỗ trợ cá nhân hóa học tập và phát triển nội dung, đồng thời đặt ra yêu cầu kiểm soát chất lượng học liệu, bảo vệ dữ liệu người học và bảo đảm liên chính học thuật Lê (2026).

Tuy nhiên, tính mở và khả năng tiếp cận rộng không đồng nghĩa với chất lượng được bảo đảm. Sự đa dạng về người học, học liệu, nền tảng công nghệ và phương thức tổ chức học tập đòi hỏi đổi mới cách tiếp cận bảo đảm chất lượng. Bên cạnh chuẩn chất lượng, chương trình và học liệu, cần chú trọng quản trị công nghệ, dữ liệu và AI, tăng cường trách nhiệm giải trình, đồng thời đánh giá trải nghiệm và kết quả học tập. Vì vậy, bảo đảm chất lượng cần được tiếp cận trên phạm vi toàn bộ hệ sinh thái giáo dục mở, thay vì chỉ tập trung vào kiểm định cơ sở hoặc chương trình đào tạo.

Trên cơ sở đó, bài viết phân tích các yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục mở trong kỷ nguyên số từ góc độ chính sách và quản trị; làm rõ mối quan hệ giữa chính sách, quản trị, chương trình và học liệu mở, công nghệ và dữ liệu, trải nghiệm và kết quả học tập; đồng thời đề xuất khung bảo đảm chất lượng có thể vận dụng tại các cơ sở giáo dục đại học.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Giáo dục mở và bảo đảm chất lượng giáo dục mở

2.1.1. Giáo dục mở

Giáo dục mở được hiểu là cách tiếp cận giáo dục nhằm giảm thiểu các rào cản và mở rộng cơ hội tiếp cận học tập cho người học. Tính mở có thể được thể hiện ở nhiều phương diện như học liệu, chương

trình, phương thức, thời gian, không gian, công nghệ, dữ liệu và cơ chế công nhận kết quả học tập. Do đó, giáo dục mở không chỉ giới hạn ở một phương thức đào tạo mà được xem như một hệ sinh thái, trong đó có sự tham gia của nhiều chủ thể và sự kết nối giữa các thành tố của quá trình giáo dục Schindler và cộng sự (2015); Stella và Gnanam (2004)

Trong hệ sinh thái giáo dục mở, OER là một thành tố quan trọng, tạo điều kiện cho người học truy cập, sử dụng, điều chỉnh và chia sẻ học liệu. Tuy nhiên, tính mở không đồng nghĩa với chất lượng. Việc học liệu được cung cấp rộng rãi chưa bảo đảm học liệu có tính chính xác, cập nhật, phù hợp với chuẩn đầu ra, khả năng tiếp cận và đáp ứng các yêu cầu về bản quyền.

2.1.1. Đảm bảo chất lượng giáo dục mở

Bảo đảm chất lượng giáo dục mở là quá trình thiết lập và vận hành các cơ chế nhằm duy trì, đánh giá và cải tiến chất lượng của các thành tố trong hệ thống giáo dục mở, đồng thời bảo đảm sự cân bằng giữa yêu cầu về tính mở và các yêu cầu về chất lượng giáo dục. Quá trình này cần chú trọng đến chất lượng chương trình, học liệu, phương thức tổ chức, công nghệ, hỗ trợ người học, trải nghiệm và kết quả học tập.

Theo đó, bảo đảm chất lượng giáo dục mở không chỉ dựa trên việc đáp ứng các chuẩn mực của cơ sở giáo dục mà còn cần xem xét mức độ phù hợp của chương trình và học liệu, khả năng hỗ trợ người học, mức độ đạt chuẩn đầu ra và hiệu quả học tập. Các cơ chế thẩm định, giám sát, thu thập phản hồi và cải tiến liên tục giữ vai trò quan trọng trong quá trình này

UNESCO (2019). Người học là trung tâm của bảo đảm chất lượng, trong đó kết quả học tập và mức độ đạt chuẩn đầu ra là những căn cứ quan trọng để đánh giá chất lượng thực chất của giáo dục mở Jung (2011) và Marciniak (2018).

2.2. Tiếp cận bảo đảm chất lượng giáo dục mở từ chính sách

Chính sách tạo lập khung pháp lý, chuẩn mực và điều kiện phát triển giáo dục mở theo hướng thống nhất và linh hoạt. Trong kỷ nguyên số, chính sách bảo đảm chất lượng cần bao quát các nội dung: chuẩn chất lượng; công nhận kết quả học tập; phát triển và sử dụng tài nguyên giáo dục mở (OER); bản quyền và giấy phép mở; khả năng tiếp cận; quản trị dữ liệu; sử dụng AI; công khai thông tin và trách nhiệm giải trình.

Tại Việt Nam, Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2022 về định hướng phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, trong khi Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 định hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục. Đây là những căn cứ quan trọng để gắn phát triển giáo dục mở với bảo đảm chất lượng và quản trị số.

Về quản lý nhà nước, chính sách không chỉ kiểm soát việc thực hiện các yêu cầu chất lượng mà còn thúc đẩy đổi mới, tự chủ và chia sẻ tri thức. Do đó, bảo đảm chất lượng giáo dục mở cần hài hòa giữa chuẩn mực chung và quyền tự chủ: Nhà nước xác lập yêu cầu cốt lõi, cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình; cơ sở giáo dục chủ động lựa chọn mô hình, công nghệ và phương thức triển khai phù hợp với sứ mạng và điều kiện thực tế.

2.3. Tiếp cận bảo đảm chất lượng giáo dục mở từ quản trị

Nếu chính sách xác lập định hướng và chuẩn mực thì quản trị là quá trình tổ chức, điều phối và chuyển hóa các yêu cầu đó thành hoạt động bảo đảm chất lượng cụ thể. Do đặc điểm của giáo dục mở, quản trị chất lượng không thể chỉ giới hạn trong phạm vi nội bộ cơ sở giáo dục mà cần được tiếp cận theo hướng quản trị hệ sinh thái, với sự tham gia của cơ sở giáo dục, giảng viên, người học, công nghệ, học liệu và các bên liên quan được nhấn mạnh trong nghiên cứu của Stella và Gnanam (2004) cũng như của Marciniak (2018).

Theo tiếp cận này, bảo đảm chất lượng cần được thực hiện xuyên suốt từ thiết kế chương trình, phát triển và thẩm định học liệu, tổ chức dạy học, đánh giá kết quả đến thu thập phản hồi và cải tiến theo ENQA (2015) và Marciniak (2018). Công nghệ và dữ liệu trở thành nguồn lực quan trọng của quản trị chất lượng, cho phép theo dõi quá trình học tập, nhận diện các vấn đề và hỗ trợ ra quyết định. Tuy nhiên, việc khai thác dữ liệu và AI phải gắn với yêu cầu về minh bạch, an toàn, bảo vệ quyền riêng tư và trách nhiệm của các chủ thể.

2.4. Khung tiếp cận lý thuyết của nghiên cứu

Nghiên cứu tiếp cận bảo đảm chất lượng giáo dục mở trong kỷ nguyên số theo mối quan hệ giữa chính sách, quản trị, hoạt động giáo dục, kết quả người học và cải tiến liên tục. Trong đó, chính sách và chuẩn chất lượng tạo nền tảng; quản trị và trách nhiệm giải trình bảo đảm thực thi; chương trình và học liệu mở cung cấp nội

dung học tập; công nghệ và dữ liệu hỗ trợ quản trị; trải nghiệm và kết quả học tập là căn cứ đánh giá chất lượng.

Khoảng trống nghiên cứu nằm ở nhu cầu về một cách tiếp cận tích hợp, xem xét đồng thời tính mở, chính sách, quản trị, tài nguyên giáo dục mở (OER), công nghệ, dữ liệu và kết quả người học. Các khung tham chiếu hiện có cung cấp những góc tiếp cận khác nhau: Khung bảo đảm chất lượng IIOE 2.0 (IIOE Quality Assurance 2.0), do Trung tâm Đổi mới Giáo dục đại học thuộc UNESCO (UNESCO-ICHEI) khởi xướng, tập trung vào giáo dục trực tuyến và kết hợp; Bộ tiêu chuẩn và hướng dẫn bảo đảm chất lượng trong Khu vực Giáo dục đại học châu Âu (Standards and Guidelines for Quality Assurance in the European Higher Education Area - ESG) đề cập bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; Marciniak (2018) tập trung đánh giá chất lượng chương trình trực tuyến. Trên cơ sở đối sánh, nghiên cứu không hướng tới xây dựng lý thuyết hay bộ tiêu chuẩn hoàn toàn mới, mà tích hợp các yêu cầu liên quan thành khung định hướng bảo đảm chất lượng giáo dục mở, gắn với cải tiến liên tục.

Khung đề xuất gồm năm thành tố: (1) chính sách và chuẩn chất lượng; (2) quản trị và trách nhiệm giải trình; (3) chương trình và học liệu mở; (4) công nghệ và dữ liệu; (5) trải nghiệm và kết quả học tập của người học. Các thành tố tương tác trong chu trình đánh giá, phản hồi và cải tiến liên tục, hướng tới chuyển từ kiểm soát sang quản trị và kiến tạo chất lượng trong hệ sinh thái giáo dục mở.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu lý luận, kết hợp phân tích, tổng hợp tài liệu, phân tích chính sách và

đối chiếu các yêu cầu bảo đảm chất lượng từ một số khung và tài liệu tham chiếu, trong đó có IIOE Quality Assurance 2.0 về dạy học trực tuyến và kết hợp (UNESCO-ICHEI và IIOE, 2021). Phạm vi tư liệu tập trung vào các tài liệu có nội dung trực tiếp về bảo đảm chất lượng, giáo dục mở, giáo dục trực tuyến và quản trị trong môi trường số. Nguồn tư liệu gồm ba nhóm: (1) văn bản chính sách, pháp luật Việt Nam về giáo dục đại học, chuyển đổi số, tự chủ và bảo đảm chất lượng; (2) khuyến nghị, hướng dẫn của UNESCO và các tổ chức bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; (3) các nghiên cứu học thuật về giáo dục đại học, giáo dục mở, giáo dục từ xa và trực tuyến. Tiêu chí lựa chọn là mức độ liên quan trực tiếp đến chất lượng, tính mở, quản trị và khả năng vận dụng trong giáo dục đại học. Quy trình nghiên cứu gồm ba bước: xác định đặc trưng của giáo dục mở tác động đến chất lượng; phân tích yêu cầu về chính sách và quản trị; tổng hợp kết quả để đề xuất khung bảo đảm chất lượng và mô hình quản trị theo hướng cải tiến liên tục. Do chưa sử dụng dữ liệu thực nghiệm, khung đề xuất cần được kiểm chứng tại các cơ sở giáo dục đại học trong nghiên cứu tiếp theo.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Những vấn đề đặt ra đối với bảo đảm chất lượng giáo dục mở

Kết quả phân tích cho thấy có năm vấn đề lớn cần được giải quyết.

Thứ nhất, mở rộng tiếp cận phải đi đôi với bảo đảm chất lượng. Giáo dục mở có ưu thế trong việc mở rộng cơ hội học tập nhưng càng mở rộng phạm vi cung cấp thì nguy cơ không đồng đều về chất lượng càng tăng. Vì vậy, cần xác

định những chuẩn mực tối thiểu mà mọi chương trình, khóa học và học liệu mở phải đáp ứng.

Thứ hai, chất lượng phải được bảo đảm ở nhiều cấp độ. Cần phân biệt chất lượng ở cấp hệ thống, cơ sở giáo dục, chương trình, khóa học, học liệu, công nghệ và kết quả học tập. Chỉ tập trung vào kiểm định cơ sở giáo dục hoặc chương trình là chưa đủ để phản ánh đầy đủ chất lượng của hệ sinh thái giáo dục mở.

Thứ ba, dữ liệu số trở thành nguồn lực mới của quản trị chất lượng. Hệ thống học tập số có khả năng cung cấp dữ liệu về mức độ tham gia, tiến độ, kết quả đánh giá và tương tác của người học. Nếu được sử dụng đúng cách, dữ liệu giúp nhà quản lý phát hiện sớm nguy cơ bỏ học, xác định nội dung khó và điều chỉnh thiết kế dạy học. Tuy nhiên, dữ liệu phải được thu thập và sử dụng minh bạch, đúng mục đích và phù hợp với các yêu cầu về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Thứ tư, trí tuệ nhân tạo làm thay đổi tiêu chí chất lượng. AI có thể hỗ trợ xây dựng học liệu, tạo câu hỏi, cá nhân hóa học tập, phản hồi và phân tích dữ liệu. Nhưng AI cũng có thể tạo ra thông tin sai,

thiên lệch hoặc khó xác định nguồn gốc. UNESCO (2023) vì vậy nhấn mạnh cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm khi sử dụng GenAI trong giáo dục và nghiên cứu. Việc ứng dụng AI cần đi kèm kiểm soát học thuật, minh bạch và trách nhiệm của người sử dụng.

Thứ năm, người học phải trở thành trung tâm của bảo đảm chất lượng. Chất lượng giáo dục mở cuối cùng phải được phản ánh qua những gì người học đạt được. Vì vậy, mức độ hài lòng hoặc số lượng truy cập học liệu chỉ là chỉ báo bổ trợ; các chỉ báo cốt lõi phải liên quan đến chuẩn đầu ra, kết quả học tập, khả năng vận dụng, mức độ tham gia, khả năng duy trì học tập và cơ hội phát triển sau đào tạo.

4.2. Khung bảo đảm chất lượng giáo dục mở trong kỷ nguyên số

Trên cơ sở tổng hợp lý luận và chính sách, nghiên cứu đề xuất khung bảo đảm chất lượng gồm năm thành tố. Năm thành tố có mối quan hệ liên kết, trong đó chính sách và quản trị tạo nền tảng, chương trình và học liệu tạo nội dung, công nghệ và dữ liệu tạo hạ tầng vận hành, còn trải nghiệm và kết quả học tập của người học là trung tâm đánh giá hiệu quả.

Bảng 1. Khung bảo đảm chất lượng giáo dục mở trong kỷ nguyên số

Thành tố	Nội dung trọng tâm	Tiêu chí/chỉ báo gợi ý	Chủ thể chính
1. Chính sách và chuẩn chất lượng	Xác lập nguyên tắc mở, chuẩn chất lượng và trách nhiệm	Chính sách về OER; chuẩn chương trình; quy định công nhận kết quả; bản quyền; AI; bảo vệ dữ liệu	Nhà nước, cơ sở giáo dục
2. Quản trị và trách nhiệm giải trình	Tổ chức, phân quyền, giám sát và cải tiến	Cơ cấu bảo đảm chất lượng; phân công trách nhiệm; công khai thông tin; cơ chế phản hồi; cải tiến sau đánh giá	Ban giám hiệu, Lãnh đạo, đơn vị chuyên môn
3. Chương trình và học liệu mở	Bảo đảm tính khoa học, cập nhật và khả năng tái sử dụng	Chuẩn đầu ra; chất lượng OER; tính cập nhật; khả năng tiếp cận; giấy phép mở; thẩm định đồng cấp	Giảng viên, khoa/bộ môn, chuyên gia

Thành tố	Nội dung trọng tâm	Tiêu chí/chỉ báo gợi ý	Chủ thể chính
4. Công nghệ và dữ liệu	Bảo đảm nền tảng, an toàn và khai thác dữ liệu	Tính ổn định; khả năng liên thông; khả năng tiếp cận; an toàn thông tin; phân tích dữ liệu học tập; quản trị AI	Cơ sở giáo dục, đơn vị CNTT
5. Trải nghiệm và kết quả người học	Đánh giá hiệu quả thực chất của giáo dục mở	Kết quả học tập; mức độ tham gia; hoàn thành; hài lòng; năng lực đạt chuẩn đầu ra; khả năng học tập tiếp tục	Người học, giảng viên, cơ sở giáo dục

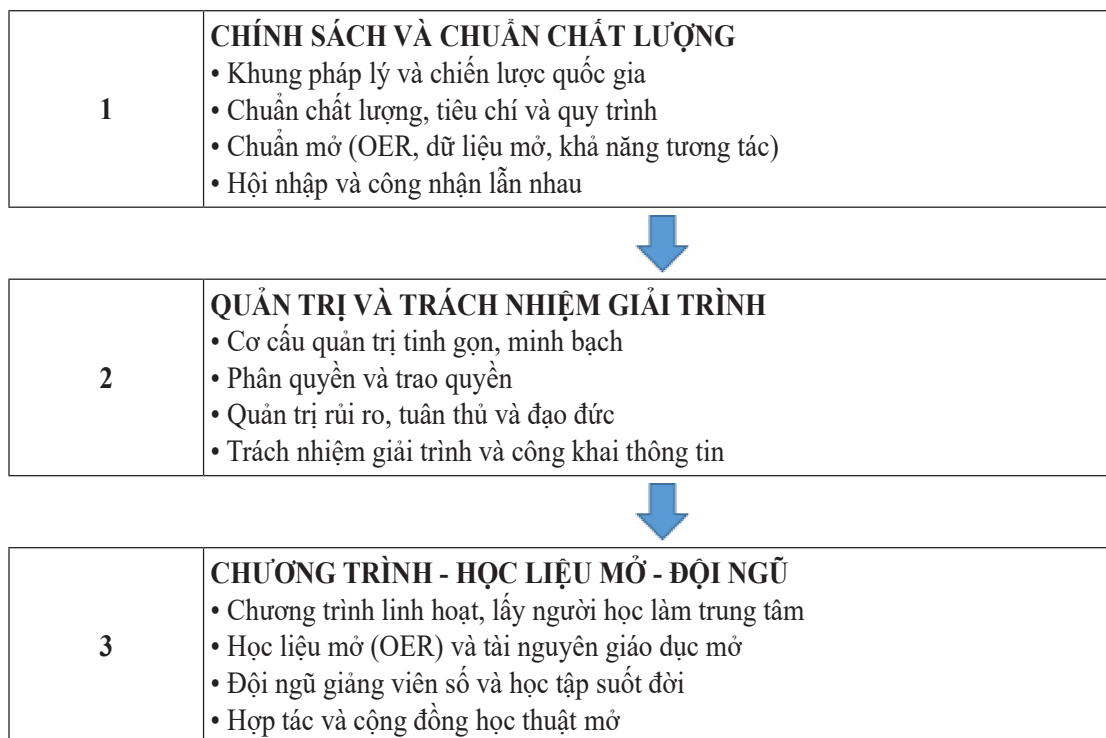
Nguồn: Tổng hợp UNESCO (2019), ENQA (2015), Jung (2011) và Marciniak (2018).

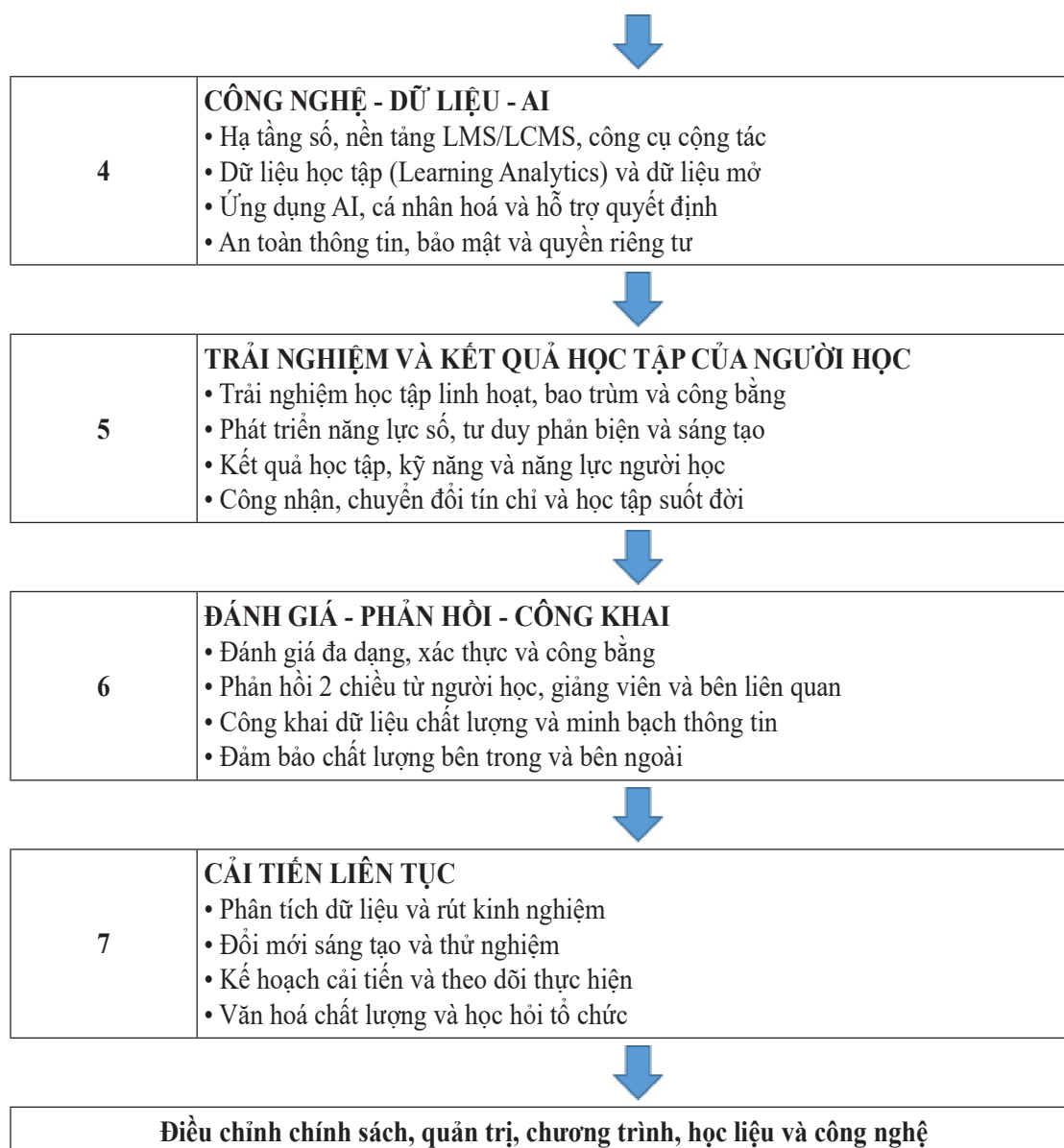
Để vận dụng vào bảo đảm chất lượng bên trong, mỗi thành tố được theo dõi thông qua câu hỏi kiểm soát và minh chứng tương ứng: chính sách về OER, AI và dữ liệu; phân công trách nhiệm bảo đảm chất lượng; thẩm định, cập nhật học liệu và kiểm soát giấy phép; tính ổn định, khả năng tiếp cận và an toàn dữ liệu của nền tảng; mức độ đạt chuẩn đầu ra và việc sử dụng phản hồi người học. Minh chứng gồm văn bản, hồ sơ thẩm định, dữ liệu hệ

thống, báo cáo đánh giá và biên bản cải tiến, làm căn cứ thực hiện chu trình cải tiến tại Hình 1.

Khung này không thay thế hệ thống kiểm định hiện có mà tích hợp các yêu cầu bảo đảm chất lượng phù hợp với đặc trưng giáo dục mở. Kiểm định vẫn là công cụ quan trọng, trong khi khung nhấn mạnh việc lồng ghép yêu cầu chất lượng xuyên suốt quá trình thiết kế, triển khai, đánh giá và cải tiến.

4.3. Mô hình bảo đảm chất lượng theo chu trình chính sách - quản trị - cải tiến





Hình 1. Mô hình bảo đảm chất lượng giáo dục mở trong kỷ nguyên số

Từ khung năm thành tố, nghiên cứu xây dựng chu trình vận hành gồm bảy bước (Hình 1). Bảy bước không phải là bảy thành tố độc lập mà là cơ chế triển khai, đánh giá và cải tiến năm thành tố trong thực tiễn bảo đảm chất lượng.

Chu trình bảy bước cụ thể hóa cách vận hành của khung năm thành tố: chính sách và quản trị tạo điều kiện; chương trình - học liệu và công nghệ - dữ liệu được triển

khai; trải nghiệm và kết quả người học được đánh giá; dữ liệu và phản hồi được công khai, phân tích để điều chỉnh các thành tố. Vì vậy, Bảng 1 trả lời câu hỏi bảo đảm những nội dung nào và ai chịu trách nhiệm, còn Hình 1 trả lời các nội dung đó được vận hành và cải tiến như thế nào.

Điểm quan trọng của mô hình là vị trí của người học. Người học không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là nguồn

cung cấp dữ liệu và chủ thể tham gia vào quá trình cải tiến chất lượng. Đây là sự thay đổi cần thiết khi giáo dục chuyển từ mô hình “cung cấp chương trình” sang mô hình “kiến tạo hệ sinh thái học tập”.

4.4. Một số giải pháp đảm bảo chất lượng giáo dục mở từ tiếp cận chính sách và quản trị

Từ các phân tích trên, bảo đảm chất lượng giáo dục mở cần được triển khai theo hướng kết hợp giữa chuẩn hóa, tự chủ, minh bạch và cải tiến liên tục, với trọng tâm là xây dựng hệ sinh thái chất lượng thay vì chỉ kiểm tra, đánh giá kết quả cuối cùng. Một số khuyến nghị chủ yếu gồm:

Thứ nhất, hoàn thiện chính sách và chuẩn chất lượng đối với giáo dục mở. Xây dựng định hướng, tiêu chuẩn và yêu cầu bảo đảm chất lượng phù hợp với đặc trưng của giáo dục mở, trong đó chú trọng chuẩn đầu ra, chương trình, học liệu mở, công nhận kết quả học tập, bản quyền và giấy phép mở, khả năng tiếp cận, bảo vệ dữ liệu và sử dụng trí tuệ nhân tạo. Chính sách cần tạo hành lang cho đổi mới, đồng thời xác định rõ trách nhiệm giải trình của các chủ thể.

Thứ hai, tăng cường quản trị chất lượng dựa trên dữ liệu và trách nhiệm giải trình. Cơ sở giáo dục cần thiết lập cơ chế phân định trách nhiệm, giám sát, công khai thông tin và sử dụng dữ liệu học tập để theo dõi tiến trình, nhận diện nguy cơ không hoàn thành, đánh giá hiệu quả hoạt động dạy học và làm cơ sở cho cải tiến. Dữ liệu cần được quản trị minh bạch, an toàn và tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ người học.

Thứ ba, chuẩn hóa quy trình phát triển và bảo đảm chất lượng chương trình, học liệu mở. Chương trình và OER

cần được kiểm soát theo chu trình từ thiết kế, thẩm định, công bố, thu thập phản hồi đến cập nhật và tái thẩm định; bảo đảm tính chính xác khoa học, phù hợp chuẩn đầu ra, khả năng tiếp cận và tuân thủ bản quyền, giấy phép mở. Đồng thời, cần duy trì sự linh hoạt về học liệu và phương thức tổ chức học tập phù hợp với bản chất của giáo dục mở.

Thứ tư, phát triển năng lực của đội ngũ và năng lực quản trị công nghệ. Cần nâng cao năng lực của cán bộ quản lý, giảng viên và các lực lượng hỗ trợ về thiết kế giáo dục mở, phát triển OER, phân tích dữ liệu học tập và sử dụng AI có trách nhiệm. Hạ tầng công nghệ cần bảo đảm tính ổn định, khả năng tương thích, khả năng tiếp cận và an toàn thông tin; việc ứng dụng công nghệ phải hướng tới nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập, không coi công nghệ tự thân là thước đo chất lượng.

Thứ năm, tăng cường sự tham gia của người học và xây dựng văn hóa chất lượng. Người học cần được xem là chủ thể của quá trình bảo đảm chất lượng thông qua phản hồi, tham gia đánh giá và đóng góp vào cải tiến chương trình, học liệu và dịch vụ hỗ trợ. Cơ sở giáo dục cần hình thành văn hóa chất lượng dựa trên minh bạch, trách nhiệm giải trình, phản hồi và cải tiến liên tục, qua đó gắn bảo đảm chất lượng với kết quả và trải nghiệm thực tế của người học.

4.5. Thảo luận

Kết quả phân tích cho thấy bảo đảm chất lượng giáo dục mở trong kỷ nguyên số đặt ra năm yêu cầu trọng tâm: (1) mở rộng tiếp cận song hành với chuẩn tối thiểu; (2) quản trị toàn diện từ hệ thống đến kết quả người học; (3) khai thác dữ

liệu số phục vụ cải tiến; (4) ứng dụng AI gắn với kiểm soát học thuật, minh bạch và trách nhiệm; và (5) lấy người học làm trung tâm.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất khung bảo đảm chất lượng gồm năm thành tố tương tác: chính sách và chuẩn chất lượng, quản trị và trách nhiệm giải trình, chương trình và học liệu mở, công nghệ và dữ liệu, cùng với trải nghiệm và kết quả của người học.

Đối với Việt Nam, yêu cầu hoàn thiện cơ chế quản trị, tự chủ và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học ngày càng gắn với yêu cầu đổi mới quản lý và chuyển đổi số. Các quy định mới về tổ chức, quản trị và thực hiện Luật Giáo dục đại học tại Nghị định số 91/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 3 năm 2026, cùng các quy định về tự chủ và cơ chế tài chính tại Nghị định số 334/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20 tháng 8 năm 2026, tạo thêm cơ sở để các cơ sở giáo dục chủ động tổ chức hoạt động bảo đảm chất lượng phù hợp với điều kiện thực tế. Đồng thời, Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Quyết định số 1705/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2024 định hướng phát triển giáo dục theo hướng chất lượng, hiện đại và thích ứng với yêu cầu mới.

Điểm cốt lõi là dịch chuyển từ kiểm soát, kiểm định cứng nhắc sang quản trị dựa trên chuẩn mực, dữ liệu, trách nhiệm giải trình và cải tiến liên tục. Chất lượng được kiến tạo xuyên suốt từ thiết kế, triển khai, phản hồi đến cải tiến, với sự tham gia chủ động của người học. Kết quả này tương thích với các nghiên cứu quốc tế về thách thức của giáo dục phân tán.

Đóng góp của bài viết được giới hạn ở việc hệ thống hóa các yêu cầu bảo đảm chất lượng từ góc độ chính sách và quản trị, đồng thời đề xuất một khung tích hợp định hướng cho cơ sở giáo dục đại học. Do khung được xây dựng từ phân tích tài liệu và chính sách, chưa thể kết luận về mức độ phù hợp hoặc hiệu quả trong các bối cảnh cụ thể; việc kiểm chứng bằng dữ liệu thực tế và khảo sát chuyên gia là hướng nghiên cứu tiếp theo.

V. Kết luận

Giáo dục mở trong kỷ nguyên số mở rộng khả năng tiếp cận tri thức và đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời, đồng thời đặt ra yêu cầu về bảo đảm chất lượng đối với chương trình, học liệu, công nghệ, phương thức tổ chức và kết quả học tập. Kết quả nghiên cứu cho thấy bảo đảm chất lượng cần được xem xét đồng bộ từ chính sách, quản trị đến hoạt động giáo dục và kết quả của người học. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất khung gồm năm thành tố: chính sách và chuẩn chất lượng; quản trị và trách nhiệm giải trình; chương trình và học liệu mở; công nghệ và dữ liệu; trải nghiệm và kết quả học tập của người học.

Việc áp dụng khung này cần tập trung vào hoàn thiện các quy định liên quan đến giáo dục mở, OER, học tập linh hoạt, công nhận kết quả học tập, dữ liệu và AI; xác định các tiêu chí chất lượng phù hợp; đưa hoạt động phát triển và sử dụng OER vào hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong; nâng cao năng lực của đội ngũ; sử dụng dữ liệu trong theo dõi và đánh giá; đồng thời thu thập ý kiến của người học và các bên liên quan.

Khung trong nghiên cứu này là kết quả tổng hợp và đề xuất của tác giả trên cơ sở phân tích tài liệu và chính sách; chưa

được kiểm chứng bằng dữ liệu thực tế, do đó cần tiếp tục đánh giá mức độ phù hợp của các thành tố, chỉ báo và cơ chế vận hành tại các cơ sở giáo dục đại học.

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ. (2026). *Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học*. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. <https://chinhphu.vn/?docid=217408&pageid=27160&typegroupid=4>
- Chính phủ. (2026). *Nghị định số 334/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2026 quy định về tự chủ của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ chế tài chính đối với giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; chương trình trọng điểm quốc gia đào tạo tiến sĩ toàn thời gian*. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. <https://vanban.chinhphu.vn/?classid=0&docid=219283&pageid=27160>
- European Association for Quality Assurance in Higher Education. (2015). *Standards and guidelines for quality assurance in the European Higher Education Area (ESG)*. ENQA.
- Jung, I. (2011). The dimensions of e-learning quality: From the learner's perspective. *Educational Technology Research and Development*, 59(4), 445-464. <https://doi.org/10.1007/s11423-010-9171-4>
- UNESCO International Centre for Higher Education Innovation, & International Institute of Online Education. (2021). *IIOE quality assurance 2.0: Framework and toolkit for driving and supporting online and blended teaching and learning*. <https://ichei.org/Uploads/Download/2021-11-19/61975ec315b6e.pdf>
- Lê, T. M. T. (2026). *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phát triển học liệu ngoại ngữ mở: Tiếp cận từ chiến lược phát triển của Trường Đại học Mở Hà Nội*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội. <https://doi.org/10.59266/houjs.2026.1368>
- Marciniak, R. (2018). Quality assurance for online higher education programmes: Design and validation of an integrative assessment model applicable to Spanish universities. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 19(2), 126-154. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v19i2.3443>
- Nguyen, T. H. H., Le, T. M. T., Nguyen, T. V. D., & Mac, V. H. (2025). *Promoting open educational resources for higher education in Vietnam*. *ASEAN Journal of Open and Distance Learning*, 17(2), 60-81. <https://doi.org/10.64233/LVTM2762>
- Schindler, L., Puls-Elvidge, S., Welzant, H., & Crawford, L. (2015). Definitions of quality in higher education: A synthesis of the literature. *Higher Learning Research Communications*, 5(3), 3-13. <https://doi.org/10.18870/hlrc.v5i3.244>
- Stella, A., & Gnanam, A. (2004). Quality assurance in distance education: The challenges to be addressed. *Higher Education*, 47(2), 143-160. <https://doi.org/10.1023/B:HIGH.0000016420.17251.5c>
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14 tháng 1 năm 2022 phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sự phạm giai đoạn 2022-2030”*. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=205104&pageid=27160>

- Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 1 năm 2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. <https://vanban.chinhphu.vn/?classid=2&docid=205236&pageid=27160>
- Thủ tướng Chính phủ. (2024). Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. <https://vanban.chinhphu.vn/?classid=2&docid=212235&pageid=27160>
- UNESCO. (2019). *Recommendation on open educational resources (OER)*. UNESCO.
- UNESCO. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO.

QUALITY ASSURANCE IN OPEN EDUCATION IN THE DIGITAL ERA: A POLICY AND GOVERNANCE APPROACH

Tran Thi Mai Hanh¹

Abstract: *The development of digital technologies, artificial intelligence, big data, and online learning platforms is driving open education toward greater flexibility, connectivity, and learner-centeredness. However, expanding access to learning opportunities does not necessarily ensure quality. This paper examines quality assurance requirements for open education in the digital era from policy and governance perspectives and proposes a quality assurance framework applicable to higher education institutions. The study employs document analysis, synthesis, and policy analysis to identify the characteristics of open education, quality assurance requirements, and the relationships among the components of the system. The findings indicate that quality assurance should shift from a control-oriented approach toward governance based on standards, data, accountability, and continuous improvement. The proposed framework comprises five components: (1) policies and quality standards; (2) governance and accountability; (3) open curricula and learning resources; (4) technology and data; and (5) learner experience and learning outcomes. The framework provides guidance for developing internal quality assurance systems that are responsive to the distinctive characteristics of open education.*

Keywords: *Quality assurance; digital transformation; open education; educational governance; education policy*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam